TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY BẮC** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2019/DS - ST
Ngày: 26 - 11 - 2019.
V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản và góp hụi.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Việt Thiện.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Phùng.

Bà Lê Thị Hồng Nhan.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Ngày 26 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 234/2019/TLST - DS, ngày 29/8/2019 về việc tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản và góp hụi, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2019/QĐXXST - DS, ngày 14/10/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Bùi Thị H, sinh năm 1956.

Địa chỉ cư trú: ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Bà Bùi Thị H ủy quyền cho anh Trần Minh T, sinh năm 1992 (xin vắng mặt); địa chỉ cư trú: ấp R, xã Q, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1973 (vắng mặt không lý do).

Địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Văn H, sinh năm 1965 (vắng mặt không lý do).

Địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 29/8/2019 của nguyên đơn bà Bùi Thị H và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là anh Trần Minh T trình bày: Từ năm 2015 đến năm 2017, bà Bùi Thị H có tham

gia chơi hụi do bà Lê Thị H làm chủ hụi, đến năm 2017 thì bà H ngưng hụi, hai bên tổng kết nợ thì bà H thống nhất còn nợ bà H số tiền hụi là 252.500.000 đồng. Ngoài ra vào ngày 11/11/2015 bà H có mượn của bà H số tiền 10.000.000 đồng không lãi suất. Tại giấy nợ ngày 10/01/2018 bà H thừa nhận có nợ bà H 252.500.000 đồng tiền hụi và 10.000.000 đồng tiền mượn, hẹn đến cuối tháng 02Al sẽ trả trước 100.000.000 đồng, giấy nợ do bà H viết và ký tên. Tuy nhiên bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng như thỏa thuận. Việc bà H chơi hụi và mượn tiền của bà H thì chồng bà H là ông Phạm Văn H đều biết, mục đích là để bà H phục vụ chi tiêu gia đình. Nay bà H yêu cầu bị đơn bà Lê Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn H phải liên đới hoàn trả cho bà H số tiền hụi là 252.500.000 đồng và tiền mượn là 10.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Lê Thị H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là anh Trần Minh T có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn bà Lê Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ vào Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt tất cả các đương sự trong vụ án.

[2] Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nội dung vụ án phải giải quyết, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản và góp hụi được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 463, 471 Bộ luật dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Căn cứ vào xác nhận của Công an xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre thì bị đơn bà Lê Thị H có nơi cư trú tại ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre. Hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi hai bên chốt nợ vào ngày 10/01/2018 và bị đơn có thỏa thuận đến tháng 02Al sẽ trả trước 100.000.000 đồng nên ngày 29/8/2019 nguyên đơn bà Bùi Thị H khởi kiện để yêu cầu bị đơn bà Lê Thị H phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ là còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 154 Bộ luật dân sự.

[3] Căn cứ vào lời khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định: Trong khoảng thời gian từ năm 2015 đến năm 2017 bà Lê Thị H có làm chủ hụi có bà Bùi Thị H tham gia chơi hụi đồng thời có vay của bà Bùi Thị H số tiền 10.000.000 đồng. Đến ngày 10/01/2018 hai bên chốt nợ thì bà H có viết giấy nhận nợ thể hiện còn nợ bà H số tiền hụi là 252.500.000 đồng và số tiền vay là 10.000.000 đồng, tổng cộng 262.500.000 đồng, thỏa thuận đến tháng 02Al sẽ trả trước 100.000.000 đồng. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã thông báo cho bà H cung cấp

chứng cứ để chứng minh bà không có nợ bà H số tiền 262.500.000 đồng và giấy nợ ngày 10/01/2018 không phải do bà H viết tuy nhiên bà H không cung cấp chứng cứ để chứng minh và cũng không có ý kiến phản bác đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó có căn cứ để xác định bà H có nợ bà H số tiền hụi là 252.500.000 đồng và tiền vay là 10.000.000 đồng, đối với số tiền vay bà H cũng không có ý kiến về việc vay có lãi hay không có lãi và số tiền lãi đã đóng cho bà H, căn cứ vào lời khai của bà H Hội đồng xét xử xác định đây là hợp đồng vay không có lãi. Thấy rằng việc bà H không thanh toán nợ như thỏa thuận làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của bà Hiệp nên căn cứ vào Điều 466, 471 Bộ luật dân sự, Điều 15, 27, 29 Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP, ngày 27/11/2006 của Chính phủ, Hội đồng xét xử buộc bà H phải hoàn trả cho bà H số tiền hụi 252.500.000 đồng và số tiền vay 10.000.000 đồng là phù hợp. Đối với ông Phạm Văn H là chồng của bà Huệ trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo cho ông H cung cấp chứng cứ để chứng minh ông không có nghĩa vụ phải liên đới cùng bà H trả nợ tuy nhiên ông H không cung cấp chứng cứ để chứng minh và cũng không có ý kiến phản bác đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, việc bà H tham gia chơi hụi và vay tiền là để phục vụ nhu cầu chi tiêu gia đình nên căn cứ vào Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình buộc ông H phải liên đới cùng bà H trả nợ cho bà H là phù hợp.

[4] Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bà Lê Thị H và ông Phạm Văn H phải liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% đối với số tiền phải hoàn trả cho bà Bùi Thị H là 262.500.000 đồng x 5% = 13.125.000 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 463, 466, 468, 471, 357 Bộ luật dân sự năm 2015; các điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 15, 27, 29 Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP, ngày 27/11/2006 của Chính phủ; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị H.

Buộc bà Lê Thị H và ông Phạm Văn H có nghĩa vụ phải liên đới hoàn trả cho bà Bùi Thị H số tiền hụi là 252.500.000 đồng và số tiền vay là 10.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[2] Về nghĩa vụ nộp án phí:

Buộc bà Lê Thị H và ông Phạm Văn H phải liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 13.125.000 đồng.

Hoàn trả cho bà Bùi Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.563.000 đồng theo biên lai thu số 000xxxx, ngày 29/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

[3] Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[4] Về việc thi hành bản án khi có hiệu lực pháp luật:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV và THA) (1b);
- VKSND huyện M (2b);
- Chi cục THADS huyện M (1b);
- Các đương sự (3b);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Việt Thiện